

Số: 11/NQ- HĐND

Hòn Đất, ngày 30 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh phân bổ ngân sách địa phương xã Hòn Đất năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HÒN ĐẤT
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025 - 2027;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;



Căn cứ Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và thu hồi, bổ sung kinh phí đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để thực hiện một số nhiệm vụ chi năm 2025 sau khi kết thúc đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn Kiên Giang trước sáp nhập;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Hòn Đất về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương xã Hòn Đất năm 2025; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Hòn Đất điều chỉnh phân bổ ngân sách địa phương xã Hòn Đất năm 2025;

Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 23 tháng 03 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hòn Đất dự thảo Nghị quyết điều chỉnh phân bổ ngân sách địa phương xã Hòn Đất năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh phân bổ ngân sách địa phương năm 2025:

Chi ngân sách địa phương từ 434.666 triệu đồng lên 446.219 triệu đồng, tăng 11.553 triệu đồng. Trong đó:

- Chi thường xuyên từ 278.646 triệu đồng lên 293.970 triệu đồng, tăng 15.324 triệu đồng:

+ Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề từ 120.518 triệu đồng lên 120.839 triệu đồng, tăng 321 triệu đồng.

+ Chi quốc phòng từ 7.111 triệu đồng lên 9.130 triệu đồng, tăng 2.019 triệu đồng.

+ Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội từ 4.176 triệu đồng xuống 3.056 triệu đồng, giảm 1.120 triệu đồng.

+ Chi y tế, dân số và gia đình từ 0 lên 1.178 triệu đồng, tăng 1.178 triệu đồng.

+ Chi thể dục thể thao từ 389 triệu đồng lên 437 triệu đồng, tăng 48 triệu đồng.

+ Chi bảo vệ môi trường từ 3.872 triệu đồng lên 3.969 triệu đồng, tăng 97 triệu đồng.



PHỤ LỤC I
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòn Đất)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025 (HĐND xã giao)	Điều chỉnh (Tăng (+)/Giảm (-))	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh (HĐND xã giao)
A	B	C	D	E
	TỔNG CHI NSDP			
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	434.666	11.553	446.219
I	Chi đầu tư phát triển (2)	420.187	16.976	437.163
1	Chi đầu tư cho các dự án	9.060	0	9.060
		7.560	0	7.560
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế,		0	
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	1.500	0	1.500
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	278.646	15.324	293.970
-	Chi quốc phòng	120.518	321	120.839
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	7.111	2.019	9.130
-	Chi y tế, dân số và gia đình	4.176	-1.120	3.056
-	Chi văn hóa thông tin	0	1.178	1.178
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	4.004	0	4.004
-	Chi thể dục thể thao	878	0	878
-	Chi bảo vệ môi trường	389	48	437
-	Chi các hoạt động kinh tế	3.872	97	3.969
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	35.017	1.641	36.658
-	Chi bảo đảm xã hội	64.610	14.640	79.250
-	Chi thường xuyên khác	30.248	3.872	34.120
III	Chi các lĩnh vực khác	7.823	-7.372	451
III	Dự phòng ngân sách	2.289	-2.289	0
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	8.882	0	8.882
V	Chi các chương trình mục tiêu		0	0
VI	Chi nộp ngân sách cấp trên	103.702	11.042	114.744
VII	Chi từ dự toán chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	1.509	0	1.509
B	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	16.099	-7.101	8.998
		14.479	-5.423	9.056

PHỤ LỤC II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN,
TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòn Đất)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi tiết							
			Chi đầu tư phát triển (Không kê chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kê chương trình MTQG)	Chi dự phòng	Chi CT MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi khác
						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Trong đó		
	TỔNG CỘNG	446.219	9.390	390.975	8.882	17.409	8.468	8.941	9.056	10.507
I	Các cơ quan, đơn vị	293.970		293.970						
1	Văn phòng HĐND và UBND	12.236		12.236						
2	Văn phòng Đảng ủy	6.832		6.832						
3	Phòng Kinh tế	31.134		31.134						
4	Phòng Văn hóa - Xã hội	9.079		9.079						
5	Trung tâm Phục vụ hành chính công	915		915						
6	Ủy ban MTTQ Việt Nam	2.147		2.147						
7	Trường Mầm non thị trấn Hòn Đất	6.443		6.443						
8	Trường Mẫu giáo Thỏ Sơn	5.054		5.054						
9	Trường Mẫu giáo Nam Thái Sơn	5.297		5.297						
10	Trường Mẫu giáo Linh Huỳnh	3.508		3.508						
11	Trường Tiểu học Thị trấn Hòn Đất I	13.420		13.420						
12	Trường Tiểu học Linh Huỳnh	10.922		10.922						
13	Trường Tiểu học Hòa Tiến	6.211		6.211						
14	Trường Tiểu học Thỏ Sơn	12.944		12.944						



Chi tiết theo lĩnh vực

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi tiết theo lĩnh vực												
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
18	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thố Sơn	10.139	10.139												
19	Trường Trung học cơ sở Lĩnh Huỳnh	7.978	7.978												
20	Trung tâm chính trị	336	336												
21	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	1.734				1.218	400	80				36			
22	Công an xã	398		398											
23	KBNN khu vực XX - PGD số 3	10												10	
24	Phòng Kinh tế xã (Huyện + Xã cũ)	97.292	1.433	5.165	1.152	413	2.200	356	357	2.286	4.435	52.232	27.263		
25	Trung tâm y tế Hòn Đất	765				765									
26	Tòa án nhân dân Khu Vực 4-An Giang														
27	Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4														
28	Chưa phân bổ	16.907	825	1.881	1.506		548	122			7.397	4.235	0	393	